|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH HÀ TĨNH**THANH TRA TỈNH**Số: 32/KL-TT |  **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Tĩnh, ngày 14 tháng 10 năm 2021* |

**KẾT LUẬN THANH TRA**

**Trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng và công tác quản lý kinh phí, đầu tư xây dựng tại sở Thông tin và Truyền thông Hà Tĩnh**

Thực hiện Quyết định số 83/QĐ-TT ngày 23/6/2021 của Chánh Thanh tra tỉnh về thanh tra trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực thanh tra; tiếp công dân (TCD); giải quyết khiếu nại, tố cáo (KNTC); phòng, chống tham nhũng (PCTN) và công tác quản lý kinh phí, đầu tư xây dựng tại sở Thông tin và Truyền thông; từ ngày 19/7/2021 đến ngày 26/8/2021, Đoàn thanh tra đã yêu cầu các đơn vị báo cáo, xem xét hồ sơ tài liệu, trực tiếp làm việc với các tổ chức, cá nhân có liên quan để tiến hành thanh tra các nội dung tại Sở và đơn vị trực thuộc.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 01/BC-ĐTT ngày 07/9/2021 của Trưởng đoàn thanh tra; ý kiến giải trình của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra và các hồ sơ tài liệu liên quan; Chánh Thanh tra tỉnh kết luận như sau:

**A. KHÁI QUÁT CHUNG**

Sở Thông tin và Truyền thông (trước đây là Sở Bưu chính viễn thông) được thành lập lại theo Quyết định số 81/2004/QĐ-UB-NV ngày 12/8/2004 của UBND tỉnh Hà Tĩnh. Tại thời điểm thanh tra, Sở hoạt động theo Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của UBND tỉnh với chức năng, nhiệm vụ: Tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản, bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, điện tử, phát thanh và truyền hình, thông tin đối ngoại, bản tin thông tấn, thông tin cơ sở, hạ tầng thông tin truyền thông; quảng cáo trên báo chí, trên môi trường mạng, trên xuất bản phẩm và quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin; thực hiện nhiệm vụ của đơn vị chuyên trách về ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh Hà Tĩnh; quản lý và tổ chức thực hiện các dịch vụ công về các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng theo quy định của pháp luật...

Về cơ cấu, tổ chức: Ban Giám đốc sở có Giám đốc và 02 Phó giám đốc (hiện tại chỉ có 01 do đồng chí Bùi Đắc Thế nghỉ hưu, chưa bổ nhiệm Phó giám đốc mới); Sở có 05 phòng nghiệp vụ (Công nghệ thông tin; Bưu chính viễn thông; Thông tin - Báo chí - Xuất bản; Văn phòng, Thanh tra) và 01 đơn vị sự nghiệp là Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông.

Tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong chỉ tiêu biên chế của Văn phòng sở và Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông thời điểm thanh tra là 32 người, trong đó: Thạc sĩ 11 người; Đại học 16 người; Cao đẳng 01 người; Trung cấp, hợp đồng lái xe, bảo vệ 04 người.

**B. KẾT QUẢ THANH TRA**

**I. VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ THANH TRA; TIẾP CÔNG DÂN; KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TẠI SỞ THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG VÀ ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC**

**1. Kết quả thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, KNTC, PCTN tại Sở Thông tin và Truyền thông**

***1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Giám đốc sở trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, TCD, KNTC, PCTN***

 Trong kỳ thanh tra (năm 2019 - 2020), Giám đốc sở đã chỉ đạo thực hiện tương đối nghiêm túc công tác thanh tra, giải quyết KNTC, PCTN tại Văn phòng sở và các đơn vị, bộ phận trực thuộc. Năm 2019 Sở đã ban hành 04 kế hoạch và 01 chương trình[[1]](#footnote-1); năm 2020 ban hành 02 kế hoạch và 01 chương trình[[2]](#footnote-2) để triển khai thực hiện công tác thanh tra, TCD, KNTC và PCTN.

***1.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và triển khai các văn bản của pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC và PCTN***

Các quy định, văn bản pháp luật về thanh tra, TCD, KNTC, PCTN đã được truyền tải đến CBCC người lao động trong cơ quan, đơn vị. Trong kỳ, Sở đã tổ chức quán triệt phổ biến Luật Tố cáo, Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc tổ chức quán triệt, phổ biến pháp luật được thực hiện bằng nhiều hình thức, như: Giao ban lãnh đạo, sinh hoạt Chi bộ cơ quan, thông tin qua hệ thống quản lý hồ sơ công việc TD-Office.

***1.3. Kết quả chấp hành các quy định về công tác thanh tra***

*a) Công tác xây dựng, kế hoạch thanh tra*

Trong kỳ, Sở đã ban hành kế hoạch thanh tra đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-TTCP ngày 23/4/2014 của Thanh tra Chính phủ[[3]](#footnote-3); trước khi ban hành kế hoạch thanh tra hằng năm Sở đã gửi văn bản xin ý kiến của Thanh tra tỉnh để góp ý bổ sung theo quy định. Bên cạnh việc thanh tra theo kế hoạch, Sở còn triển khai một số cuộc thanh tra đột xuất, chuyên đề theo chỉ đạo của Bộ Thông tin và Truyền thông và UBND tỉnh.

Qua kiểm tra cho thấy, việc xây dựng Kế hoạch thanh tra năm 2019 và 2020 chưa bám sát nguồn nhân lực hiện có và do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên tỷ lệ hoàn thành kế hoạch chưa cao, một số cuộc thanh tra có trong kế hoạch được duyệt nhưng không triển khai.

 *b) Việc tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra*

- Về thanh tra hành chính:Trong kỳ, Sở không thực hiện cuộc thanh tra hành chính nào (năm 2019 có đưa vào kế hoạch nhưng không thực hiện được).

- Về thanh tra chuyên ngành:

+ Năm 2019 đã tiến hành 06/10 cuộc (05 theo kế hoạch; 01 đột xuất)[[4]](#footnote-4);

+ Năm 2020 hoàn thành kế hoạch sau khi được điều chỉnh, tiến hành 04/04 cuộc (02 theo kế hoạch; 02 đột xuất)[[5]](#footnote-5).

- Qua thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đã xử lý vi phạm hành chính đối với 100 tổ chức, cá nhân; tổng số tiền xử lý là 99.750.000 đồng (năm 2019: 56 tổ chức, cá nhân với số tiền 45.500.000đ; năm 2020: 44 tổ chức, cá nhân với số tiền 54.250.000đ). Các kết luận thanh tra, quyết định xử lý kết quả thanh tra được công khai lên Cổng thông tin điện tử của đơn vị.

- Tuy vậy, việc tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra còn một số tồn tại:

+ Đơn vị không hoàn thành kế hoạch thanh tra, trong kỳ chỉ thực hiện 07/12 cuộc thanh tra theo kế hoạch và kế hoạch điều chỉnh, triển khai 03 cuộc đột xuất; năm 2019 không hoàn thành kế hoạch thanh tra nhưng không thực hiện việc điều chỉnh kế hoạch thanh tra.

+ Trong kỳ Sở đã xây dựng 01 cuộc thanh tra trách nhiệm việc thực hiện pháp luật về thanh tra, KNTC và PCTN đối với Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông, nhưng không thực hiện được, phải chuyển sang năm khác.

+ Quá trình thanh tra vẫn còn một số Đoàn thanh tra không thực hiện chế độ giám sát hoạt động Đoàn thanh tra theo Thông tư số 05/2015/TT-TTCP ngày 10/9/2015 quy định về giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra[[6]](#footnote-6).

***1.4. Kết quả thực hiện quy định pháp luật về TCD, giải quyết KNTC***

*a) Về công tác tiếp công dân*

Giám đốc sở đã ban hành các văn bản chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc tiếp công dân theo quy định (Quyết định số 29/QĐ-STTTT ngày 09/3/2018 về quy chế tiếp công dân; Quyết định số 27/QĐ-STTTT ngày 16/3/2020 về kiện toàn cán bộ công chức làm nhiệm vụ tiếp công dân và xử lý đơn thư, khiếu nại, tố cáo). Công tác tiếp công dân được Sở thực hiện tương đối nghiêm túc; có bố trí địa điểm tiếp công dân, việc tiếp công dân được ghi chép vào Sổ tiếp công dân; lịch tiếp công dân định kỳ của lãnh đạo được bố trí ngày 15 hằng tháng.

Bộ phận tiếp công dân là công chức thuộc biên chế Thanh tra sở được Giám đốc sở phân công nhiệm vụ tiếp công dân thường xuyên vào các ngày làm việc trong tuần; cán bộ tiếp công dân được thanh toán chế độ theo Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh.

Tuy vậy, nội quy, quy trình tiếp công dân niêm yết chưa đúng nơi quy định (niêm yết ở sảnh cơ quan, không niêm yết ở nơi tiếp công dân theo quy định tại Nghị định số 64/2014/NĐ-CP của Chính phủ).

*b) Công tác tiếp nhận xử lý đơn, thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo*

 Trong kỳ, Sở tiếp nhận và xử lý 07 đơn (KN: 0; TC 07; KNPA: 01) thuộc thẩm quyền, số vụ việc đã giải quyết: 07/07 (năm 2019 thực hiện giải quyết 03/03 vụ; năm 2020 thực hiện giải quyết 04/04 vụ việc). Cơ bản các vụ việc phát sinh được Giám đốc sở quan tâm chỉ đạo xử lý, Thanh tra sở đã tham mưu giải quyết đảm bảo trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền, hồ sơ giải quyết cơ bản được lưu trữ đầy đủ…; sau khi giải quyết, Sở thực hiện nghiêm túc việc công khai các kết luận giải quyết tố cáo trên cổng thông tin điện tử của cơ quan.

Tuy vậy, trong giải quyết vẫn còn chậm ban hành Thông báo kết luận nội dung tố cáo gửi người tố cáo (Kết luận số 09/KL-STTT; Kết luận số 10/KL-STTT); Một số Báo cáo kết quả xác minh tố cáo chưa đúng biểu Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2019/NĐ-CP[[7]](#footnote-7).

***1.5. Việc thực hiện các quy định pháp luật về PCTN***

*a) Công tác phòng ngừa tham nhũng*

*- Việc công khai, minh bạch trong hoạt động tài chính ngân sách...*

Hằng năm Sở đã xây dựng ban hành các quyết định công khai dự toán, quyết toán ngân sách và được thông qua tại Hội nghị CBCC đầu năm; thực hiện kiểm kê quỹ tiền mặt hằng tháng và kiểm kê tài sản vào cuối kỳ kế toán theo quy định.

Tuy vậy, dự toán, quyết toán tài chính chưa công khai trên cổng thông tin điện tử (https://ict.hatinh.gov.vn/) của đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

*- Việc xây dựng, thực hiện các quy chế, quy tắc (quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế văn hóa công sở, quy tắc ứng xử, quy chế dân chủ cơ sở…)*

Sở đã xây dựng, ban hành quy chế chi tiêu tài chính và quản lý sử dụng tài sản công hằng năm[[8]](#footnote-8); ban hành quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp, văn hóa công vụ của cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý[[9]](#footnote-9), quy chế thi đua khen thưởng (Quyết định số 130/QĐ-STTTT ngày 03/12/2019); ban hành Kế hoạch chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính; tổ chức cho CBCC ký cam kết thực hiện các quy định của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về kỷ luật, kỷ cương hành chính, trong thực hiện chức trách nhiệm vụ của đội ngũ CBCC,VC[[10]](#footnote-10).

*- Công tác quản lý nghề nghiệp về báo chí trên địa bàn*

Theo số liệu báo cáo của Sở đến thời điểm thanh tra có 40 cơ quan báo chí trung ương và tỉnh bạn hoạt trên địa bàn (07 văn phòng đại diện với 21 phóng viên; 33 cơ quan báo chí với 38 phóng viên thường trú), Sở đã cập nhật danh sách Văn phòng đại diện, phóng viên thường trú của các Báo trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh (<https://hatinh.gov.vn>); ban hành nhiều văn bản để hướng dẫn một số nội dung trong việc tiếp xúc, cung cấp thông tin và xử lý thông tin về báo chí (theo quy định tại Nghị định số 09/2017/NĐ-CP ngày 09/02/2017 của Chính phủ).

*b) Công khai minh bạch trong công tác tổ chức cán bộ*

*- Việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của CBCC trong cơ quan*

Hằng năm, Sở có ban hành và thực hiện Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác[[11]](#footnote-11); trong kỳ thanh tra có 10 vị trí đến định kỳ phải chuyển đổi, đã thực hiện chuyển đổi 03 vị trí, 07 vị trí tự phân công lại nhiệm vụ trong phạm vi phòng chuyên môn.

*- Công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm cán bộ, bố trí lao động*

+ Việc thực hiện quy hoạch CBCC theo Đề án

Tại Văn phòng sở, đơn vị được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2082/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt vi trí việc làm và khung năng lực của từng vị trí việc làm trong cơ quan. Trong kỳ, Sở đã phê duyệt danh sách, rà soát bổ sung quy hoạch giai đoạn 2015-2020, lập quy hoạch 2021-2026 các chức danh lãnh đạo cấp phòng, Trung tâm thuộc Sở để triển khai thực hiện (Quyết định số 17/QĐ-STTTT ngày 31/01/2018 gửi Sở Nội vụ).

+ Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại

Trong kỳ, Sở đã thực hiện quy trình đề nghị Tỉnh ủy, UBND tỉnh bổ nhiệm lại chức vụ Giám đốc sở đối với đồng chí Phan Tấn Linh (nguyên Giám đốc sở đã chuyển công tác); đề nghị kéo dài thời gian giữ chức vụ Phó Giám đốc sở đối với đồng chí Bùi Đắc Thế (nguyên Phó Giám đốc sở hiện nay đã nghỉ hưu, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội). Tại Văn phòng sở đã thực hiện quy trình, bổ nhiệm lại 04 người[[12]](#footnote-12) (02 Trưởng phòng sở, 01 Phụ trách kế toán sở, 01 Phó Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông). Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đảm bảo trình tự, thủ tục và công khai minh bạch trong toàn thể CBCC.

+ Về bố trí lao động và thực hiện chế độ đối với người lao động

Văn phòng sở đang có 20 biên chế công chức, 04 hợp đồng theo Nghị định 68 và 01 hợp đồng lao động với ông Nguyễn Viết Đức.

Qua kiểm tra còn tồn tại: Hợp đồng với ông Nguyễn Viết Đức, căn cứ ký hợp đồng áp dụng văn bản hết hiệu lực, ký hợp đồng ngoài biên chế được giao nhưng lại làm công việc thường xuyên theo vị trí hợp đồng 68[[13]](#footnote-13); bố trí cán bộ Hợp đồng 68 đối với bà Sử Quỳnh Hương làm văn thư, bà Phan Thị Lan làm thủ quỹ là không phù hợp công việc theo quy định tại Điều 1, Nghị định 68/2000/NĐ-CP, (hiện đã chấm dứt công việc văn thư, thủ quỹ đối với trường hợp này); điều động ông Trần Xuân Sơn, trình độ Cử nhân CNTT, hợp đồng lao động thuộc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông làm nhiệm vụ chuyên môn tại Văn phòng sở là chưa đúng quy định[[14]](#footnote-14). Nâng lương cho ông Đặng Quốc Dũng, Phó Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông còn chậm thời gian[[15]](#footnote-15).

*c) Công tác cải cách hành chính*

*- Việc thực hiện kế hoạch cải cách hành chính*

Hằng năm căn cứ kế hoạch của UBND tỉnh, Sở đều ban hành Kế hoạch CCHC[[16]](#footnote-16) để triển khai thực hiện. Năm 2019 được UBND tỉnh xếp thứ 4/10 sở ngành với 7 lĩnh vực được đánh giá 74,6 điểm (Quyết định số 4293/QĐ-UBND ngày 30/12/2019); năm 2020 xếp thứ 4/10 sở ngành với 7 lĩnh vực được đánh giá là 73,32 điểm (Quyết định số 4544/QĐ-UBND ngày 31/12/2020).

Kết quả kiểm tra cho thấy điểm số CCHC năm sau so với năm trước không được cải thiện (tụt giảm), nhưng chưa có phương án hữu hiệu khắc phục những tồn tại, hạn chế để nâng cao hiệu quả hoạt động CCHC.

*- Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC)*

 Việc công khai quy trình tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở được duy trì tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, trên cổng dịch vụ công, Cổng TTĐT của tỉnh[[17]](#footnote-17) đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/TT-VPCP ngày 31/10/2017 về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát TTHC. Tổng số đã xử lý 237 hồ sơ, qua kiểm tra xác suất một số hồ sơ cho thấy cơ bản được xử lý kịp thời, đúng quy định. Tuy vậy, Giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh, Giấy phép lĩnh vực xuất bản phần căn cứ đang cập nhật văn bản đã hết hiệu lực pháp luật[[18]](#footnote-18).

*d) Việc kê khai minh bạch tài sản, thu nhập*

Kết quả kê khai: Năm 2018, thực hiện kê khai 24/24 người, đạt tỷ lệ 100% (năm 2019 không kê khai do chờ hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ). Các bản kê khai thực hiện đúng mẫu, có đầy đủ chữ ký của người kê khai và người nhận bản kê khai ở từng trang.

Trong kỳ, Sở chưa thực hiện phê duyệt kế hoạch công khai bản kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều 8, chưa thực hiện mở sổ theo dõi giao nhận bản kê khai theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 5, Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

*e) Trách nhiệm thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm toán và chấp hành chế độ thông tin báo cáo*

Trong kỳ thanh tra, Sở đã tổ chức thực hiện 03 kết luận thanh tra, kiểm toán, kiến nghị sau quyết toán tài chính. Tuy vậy, định kỳ Sở không lập báo cáo kết quả thực hiện cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Qua xem xét,cơ bản Thanh tra sở đã tham mưu thực hiện tốt chế độ báo cáo về công tác thanh tra, giải quyết KNTC, PCTN, đảm bảo nội dung, thời gian theo quy định; từ năm 2019 đến tháng 12/2020, đã ban hành 23 loại báo cáo định kỳ và chuyên đề*.*

**2. Kết quả thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, KNTC, PCTN tại Trung tâm công nghệ thông tin và truyền thông Hà Tĩnh**

***2.1. Việc thực hiện pháp luật về công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC***

Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông Hà Tĩnh là đơn vị trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông nên các hoạt động Thanh tra, TCD do Sở thực hiện; trong kỳ thanh tra Trung tâm không tiếp nhận được đơn KNTC, kiến nghị, phản ánh liên quan đến hoạt động của đơn vị.

***2.2. Việc thực hiện pháp luật về PCTN***

*C*ơ bản Trung tâm đã thực hiện công khai dự toán thu, chi NSNN theo quy định của Luật NSNN (Quyết định số 13/QĐ-TTCNTT ngày 28/2/2019 về công khai dự toán NSNN và Quyết định số 25/QĐ-TTCNTT ngày 21/2/2020 về công khai dự toán NSNN). Hằng năm Trung tâm đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý, sử dụng tài sản công (năm 2019 tại Quyết định số 04/QĐ-TTCNTT, ngày 09/01/2019; năm 2020 tại Quyết định số 28/QĐ-TTCNTT ngày 20/02/2020) và đã được công khai tại cuộc họp CBVC đầu năm.

Trung tâm đã xây dựng kế hoạch chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính; triển khai ký cam kết thực hiện Chỉ thị 35-CT/TU ngày 4/11/2008 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về siết chặt kỷ luật, kỷ cương, lề lối làm việc trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đơn vị đã xây dựng vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và ký kết hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ.

Biên chế được giao: 10 biên chế viên chức tự chủ; hiện có: 08 viên chức tự chủ (01 HĐ 68); còn 02 biên chế viên chức tự chủ chưa được tuyển dụng. Ngoài ra đơn vị trực tiếp ký 09 hợp đồng lao động khác từ năm 2008 lại nay (8 chuyên môn và 01 bảo vệ).

CBVC Trung tâm cơ bản được đảm bảo tiền lương và các chế độ khác (như tiền lễ, tết…); thu nhập lương bình quân 4.100.000 đồng/người/tháng, thu nhập cao nhất 7.174.500 đồng, thu nhập thấp nhất 2.973.900 đồng, việc chi trả cho người lao động đầy đủ và kịp thời thông qua tài khoản cá nhân được mở tại Ngân hàng.

Việc kê khai minh bạch tài sản, thu nhập:Trung tâm lập danh sách đối tượng phải kê khai TSTN là 05 người, các bản kê khai thực hiện đúng mẫu, có đầy đủ chữ ký của người kê và thực hiện công khai bằng hình thức niên yết (Biên bản ngày 02/01/2019 niêm yết Bản kê khai TSTN năm 2018); các bản kê khai đã được nộp lên Sở để lưu cùng hồ sơ CBVC.

Tuy vậy, kiểm tra Quy chế chi tiêu nội bộ thiếu cập nhật các văn bản pháp luật, căn cứ ban hành hết hiệu lực, quy chế không có ý kiến của cơ quan tài chính cấp trên; chậm lập hồ sơ đề xuất nâng lương cho người lao động (ông Đặng Quốc Dũng, Phó Giám đốc Trung tâm CNTT được nâng lương từ 01/4/2020 nhưng đến ngày 29/4/2020 Trung tâm mới lập Tờ trình số 64/TTr-TTCNTT gửi Sở, chậm 28 ngày). Trong kỳ, Trung tâm chưa thực hiện phê duyệt kế hoạch công khai bản kê khai theo khoản 1 Điều 8, chưa mở sổ theo dõi giao nhận bản kê khai theo điểm b, khoản 3, Điều 5, Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013.

**II. KẾT QUẢ THANH TRA VIỆC QUẢN LÝ CÁC NGUỒN KINH PHÍ**

**1. Công tác quản lý, lập và giao dự toán**

Căn cứ quy định của Luật NSNN, quy định của UBND tỉnh, hướng dẫn của Sở Tài chính, việc lập, giao dự toán cho đơn vị trực thuộc đã được Sở thực hiện cơ bản đảm bảo quy định.

Tuy vậy, sau khi được phê duyệt dự toán, không thực hiện việc giao dự toán thu cho Văn phòng sở là thực hiện chưa đúng theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn quy định tại Điểm e, Mục 1, Điều 10, Thông tư số 71/2017/TT-BTC ngày 13/7/2017 hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2018 và kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 năm 2018-2020; Thông tư số 54/2018/TT-BTC ngày 08/6/2018 hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2019 và kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 năm 2019-2021.

Việc xét duyệt quyết toán: Sở Tài chính thực hiện tại Văn phòng sở, tại đơn vị trực thuộc Văn phòng sở đã phối hợp với Sở Tài chính thực hiện.

**2. Kết quả kiểm tra tại Văn phòng sở và đơn vị trực thuộc**

***2.1. Tại Văn phòng sở***

*a) Việc quản lý, sử dụng, quyết toán nguồn kinh phí chi thường xuyên/tự chủ*

- Năm 2019: Kinh phí được cấp 3.841.000.000 đồng, trong đó: Dự toán được giao trong năm 3.760.000.000 đồng, kinh phí bổ sung trong năm 81.000.000 đồng; kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán 3.841.000.000 đồng.

- Năm 2020: Kinh phí được cấp 4.219.000.000 đồng, trong đó: Dự toán được giao trong năm 4.219.000.000 đồng, kinh phí bổ sung trong năm 0 đồng; kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán 4.219.000.000 đồng.

- Kết quả kiểm tra nguồn kinh phí:

+ Việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ (QCCTNB): Các định mức cơ bản bám sát theo quy định hiện hành, tuy nhiên việc xây dựng cần cập nhật tính hiệu lực của một số căn cứ xây dựng QCCTNB (Quyết định 42/2017/QĐ-UBND đã hết hiệu lực); ngoài ra trong QCCTNB nên quy định cụ thể hơn một số nội dung chi như: Chi thu nhập tăng thêm, hỗ trợ CBCC đi học, chi khám sức khỏe định kỳ…

+ Việc sử dụng kinh phí cơ bản đảm bảo theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi hiện hành và quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ.

+ Về quỹ tiền lương và khoán chi hoạt động thường xuyên: Văn phòng sở được khoán quỹ tiền lương và chi hoạt động thường xuyên theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao và định mức phân bổ ngân sách nhà nước hiện hành.

+ Việc sử dụng kinh phí hành chính tiết kiệm được trong năm: Cơ bản thực hiện theo quy định tại Khoản 7 Điều 3 Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 và Quy chế chi tiêu nội bộ.

*b) Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*

- Năm 2019: Kinh phí năm trước chuyển sang 900.000.000 đồng (dự toán còn dư ở kho bạc 900.000.000 đồng), dự toán được giao trong năm 9.872.677.000 đồng, đã sử dụng đề nghị quyết toán 10.601.699.000 đồng, dự toán bị hủy 145.978.000 đồng, chuyển nguồn năm sau sử dụng 25.000.000 đồng.

- Năm 2020: Kinh phí năm trước chuyển sang 25.000.000 đồng (dự toán còn dư ở kho bạc 25.000.000 đồng), dự toán được giao trong năm 7.006.139.741 đồng, đã sử dụng đề nghị quyết toán 6.013.573.120 đồng, dự toán bị hủy 206.166.621 đồng, chuyển nguồn năm sau sử dụng 850.000.000 đồng.

- Qua kiểm tra tài liệu kế toán 02 năm, có một số tồn tại:

+ Nội dung chi làm thêm giờ, chi hội nghị, chi công tác phí còn thiếu hồ sơ, thiếu chữ ký, giấy mời họp…; còn sử dụng chưa đúng nguồn chi sự nghiệp như chi sửa chữa, thay thế thiết bị…

+ Sử dụng Phiếu thu ban hành theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính (đã hết hiệu lực) và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp là chưa đúng quy định.

+ Đơn vị không thực hiện thu theo biên lai thu phí, lệ phí hướng dẫn tại Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 và Thông tư số 303/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính nên chưa thực hiện báo cáo, quyết toán việc sử dụng biên lai thu phí, lệ phí theo quy định.

+ Sở không trích lập 40% chênh lệch thu - chi từ nguồn thu phí, lệ phí theo quy định tại Điểm a[[19]](#footnote-19), Khoản 3 Điều 3 Thông tư 46/2019/TT-BTC ngày 23/7/2019 hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số [38/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-38-2019-nd-cp-muc-luong-co-so-doi-voi-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-va-luc-luong-vu-trang-403576.aspx) ngày 09/5/2019 và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số [44/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bao-hiem/nghi-dinh-44-2019-nd-cp-dieu-chinh-luong-huu-tro-cap-bao-hiem-xa-hoi-va-tro-cap-hang-thang-414618.aspx) ngày 20/5/2019 của Chính phủ và không thực hiện hạch toán vào TK 468 theo quy định.

+Trong năm 2019, Sở được cấp 81.000.000 đồng kinh phí cải cách tiền lương do điều chỉnh lương cơ sở (Thông báo số 450/STC-NS ngày 27/9/2019) là chưa đúng quy định. Đoàn thanh tra yêu cầu xử lý thu hồi số tiền 24.872.658 đồng do cấp thừa nguồn cải cách tiền lương.

***2.2.******Tại******Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông Hà Tĩnh***

*a) Việc thực hiện dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán các nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ*

Hằng năm, căn cứ dự toán Trung tâm lập và dự kiến nhiệm vụ sự nghiệp ngành thông tin và truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông giao dự toán thu -chi ngân sách cho Trung tâm; trong năm, theo từng nhiệm vụ Sở Tài chính và sở Thông tin và Truyền thông cấp bổ sung, cụ thể:

- Năm 2019:

+ Sự nghiệp đào tạo (Loại 070, Khoản 085): 2.025.000.000 đồng (bao gồm cả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM);

+ SN thông tin và truyền thông (Loại 160, Khoản 171): 3.730.000.000 đồng;

+ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (Mã 0025): 360.000.000 đồng.

- Năm 2020:

+ Sự nghiệp đào tạo (Loại 070, Khoản 085): 2.205.000.000 đồng;

+ SN thông tin và truyền thông (Loại 160, Khoản 171): 5.922.706.900 đồng;

+ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (Mã 0025): 594.000.000 đồng.

- Kiểm tra một số nhiệm vụ được giao, cơ bản Trung tâm đã bám sát dự toán, thực hiện đảm bảo theo tiến độ thời gian và nội dung công việc. Tuy vậy, Trung tâm chưa thực hiện trích nguồn cải cách tiền lương (TK468) là chưa đúng theo quy định tại khoản 4, Điều 3 Thông tư 46/2019/TT-BTC ngày 23/7/2019 hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số [38/2019/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-38-2019-nd-cp-muc-luong-co-so-doi-voi-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-62878.html) ngày 09/5/2019 và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số [44/2019/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-44-2019-nd-cp-dieu-chinh-luong-huu-tro-cap-bao-hiem-xa-hoi-6539a.html) ngày 20/5/2019 của Chính Phủ[[20]](#footnote-20) và Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

*b) Kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ*

Qua thanh tra việc phản ánh doanh thu, chi phí như sau:

- Về doanh thu: Qua kiểm tra cho thấy Trung tâm đã phản ánh cơ bản đầy đủ doanh thu phát sinh trong kỳ.

+ Kiểm tra việc cấp chứng chỉ tin học đối chiếu với số lượng phôi đã mua từ Bộ Giáo dục và Đào tạo cho thấy, số lượng phôi đã cấp chứng chỉ năm 2019 là 1.975 phôi; năm 2020 là 5.530 phối. Số chênh lệch phản ánh thiếu doanh thu, năm 2019: 20.900.000 đồng (38 chứng chỉ\*550.000 đồng/chứng chỉ); năm 2020: 86.900.000 đồng (158 chứng chỉ\*550.000 đồng/chứng chỉ)

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng thêm năm 2019: 20.900.000đ \*20% = 4.180.000 đồng; Năm 2020: 86.900.000đ \*20%\*70% = 12.166.000 đồng[[21]](#footnote-21)

- Về chi phí :

+ Qua kiểm tra chi phí khấu hao, Trung tâm thực hiện chưa đúng quy định (Năm 2019: 27.281.817 đồng, năm 2020: 30.110.984 đồng) do tài sản mua từ nguồn ngân sách nên phải hạch toán vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp[[22]](#footnote-22), không hạch toán vào TK154 để kết chuyển tăng chi phí tính thuế.

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng thêm: Năm 2019: 27.281.817 đ \*20% = 5.456.363 đồng, năm 2020: 30.110.984 đ\*20%\*70%= 4.215.538 đồng

- Tình hình sử dụng hóa đơn: Trung tâm sử dụng hóa đơn theo hình thức đặt in tại Công ty Cổ phần In Hà Tĩnh. Việc in ấn, phát hành, quản lý và sử dụng hóa đơn đảm bảo quy định tại Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014; Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành nghị định của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng, cung ứng dịch vụ.

- Về cơ chế tài chính của Trung tâm: Trung tâm được thành lập và phê duyệt đề án chuyển đổi tổ chức hoạt động thành tổ chức khoa học và công nghệ tự trang trải kinh phí hoạt động thường xuyên, được hưởng ưu đãi về hoạt động khoa học công nghệ, cơ chế tài chính theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP, nay là Nghị định số 54/2016/NĐ-CP. Tuy vậy việc áp dụng cơ chế tài chính nêu trên ở Trung tâm chưa rõ ràng; đơn vị chưa được hưởng ưu đãi như đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực khoa học công nghệ.

*c) Kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất*

Trung tâm đã thực hiện chế độ tự chủ nên thuộc đối tượng phải thuê đất theo Điểm e, Khoản 1, Điều 56, Luật Đất đai năm 2013 và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cho thuê đất theo Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 22/5/2017; được miễn tiền thuê đất theo Quyết định số 1945/QĐ-CT ngày 21/9/2017. Trung tâm đã được giao tài sản nhà nước do đủ điều kiện được nhà nước xác định giá trị tài sản để quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp. Tổng giá trị tài sản 1.820.843.000 đồng (Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 của UBND tỉnh).

**III. KẾT QUẢ THANH TRA CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ DỰ ÁN**

**1. Về công tác đầu tư xây dựng**

- Trong kỳ thanh tra,Sở Thông tin và Truyền thông làm Chủ đầu tư 01 công trình sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất nhà làm việc 03 tầng của Sở,giá trị hợp đồng xây lắp là 835.327.000 đồng, Công ty Cổ phần Xây dựng Nhật Mỹ Thành được chỉ định thầu thi công; kết quả kiểm tra trên hồ sơ không phát hiện sai sót.

- Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông Hà Tĩnh làm Chủ đầu tư 01 công trình sửa chữa nhà làm việc 03 tầng của Trung tâm, giá hợp đồng gói thầu xây lắp 810.629.000 đồng, Công ty Cổ phần Thương mại quảng cáo và Tổ chức sự kiện 666 (nay là Công ty Cổ phần 666) được chỉ định thầu thi công. Kết quả kiểm tra phát hiện tính toán khối lượng tháo dỡ cửa sổ, cửa đi, khối lượng vách ngăn composit nhà vệ sinh không đúng thiết kế; yêu cầu Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông Hà Tĩnh thu hồi số tiền 7.999.802 đồng.

**2. Công tác thực hiện các dự án**

**-** Trong kỳ thanh tra, Sở Thông tin và Truyền thông làm Chủ đầu tư 07 dự án[[23]](#footnote-23) công nghệ thông tin và truyền thông (năm 2018: 01 dự án, năm 2019: 04 dự án, năm 2020: 02 dự án); tổng giá trị hợp đồng xây dựng, mua sắm, lắp đặt thiết bị 8.943.410.000 đồng. Qua kiểm tra cho thấy Sở đã thực hiện đầy đủ các bước của dự án mua sắm thiết bị, xây lắp kết hợp mua sắm thiết bị từ khi phê duyệt chủ trương đến lập hồ sơ thiết kế, dự toán tổ chức lựa chọn nhà thầu, nghiệm thu thanh quyết toán công trình; các gói thầu thực hiện Dự án áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi hoặc chào hàng cạnh tranh qua mạng; công tác tổ chức thi công, nghiệm thu, thanh, quyết toán kịp thời, đúng quy định.

- Qua kiểm tra việc quản lý, thực hiện dự án, còn một số tồn tại sau:

+ Công ty Cổ phần Công nghệ viễn thông truyền hình (TECOM) ở Thành phố Hà Nội thi công một số gói thầu trên địa bàn tỉnh nhưng chưa thực hiện đúng quy định về thuế GTGT vãng lai. Yêu cầu truy thu thuế GTGT vãng lai ngoại tỉnh đối với Công ty TECOM, số tiền là 162.429.490 đồng.

+ Kiểm tra thực tế tại 05 đối tượng được thụ hưởng dự án[[24]](#footnote-24) cho thấy, sau khi dự án đi vào hoạt động còn một số tồn tại: Công tác quản lý tài sản, thiết bị ở xã Hương Long chưa đảm bảo; hệ thống loa truyền thanh trung tâm tại xã Hương Trạch, cột Ăng ten đã bị tháo dỡ sau hơn 10 năm sử dụng để xây dựng Hội trường UBND xã nhưng chưa được Sở cập nhật theo dõi…

**C. KẾT LUẬN**

 **I. KẾT LUẬN VỀ THANH TRA TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ THANH TRA, TCD, GIẢI QUYẾT KNTC; PCTN**

**1. Kết quả, ưu điểm**

Giám đốc sở đã chủ động chỉ đạo thực hiện công tác thanh tra, TCD, KNTC, PCTN, các phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc được kiểm tra đã tham mưu cho Giám đốc sở thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước theo lĩnh vực được phân công; cơ bản các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ được triển khai đồng đều trên các mặt công tác, đạt kết quả trên các lĩnh vực được giao.

**2. Một số tồn tại, hạn chế**

*a) Tại Sở Thông tin và Truyền thông*

- Lãnh đạo sở và bộ phận tham mưu chưa thường xuyên quan tâm rà soát áp dụng văn bản pháp luật nên vẫn còn áp dụng văn bản đã hết hiệu lực pháp luật khi xây dựng quy chế nội bộ và cấp Giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh là chưa đúng quy định.

- Dự toán, quyết toán ngân sách chưa công khai trên Cổng thông thông điện tử của đơn vị theo quy định; trong kỳ, chưa có báo cáo kết quả xử lý tồn tại gửi Sở Tài chính sau khi được kiểm tra, xét duyệt quyết toán.

- Bố trí lao động là Hợp đồng theo Nghị định 68 làm nhiệm vụ không đúng quy định tại Điều 1 Nghị định 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ; ký hợp đồng lao động ngoài biên chế (lái xe) nhưng làm công việc thường xuyên theo vị trí HĐ 68; điều động lao động hợp đồng ở đơn vị trực thuộc làm nhiệm vụ chuyên môn tại Văn phòng sở là thực hiện chưa đảm bảo quy định.

- Việc thực hiện kê khai TSTN không thực hiện phê duyệt kế hoạch công khai bản kê khai, không thực hiện mở sổ theo dõi giao nhận bản kê khai.

- Năm 2019 không hoàn thành Kế hoạch thanh tra nhưng không thực hiện điều chỉnh Kế hoạch thanh tra theo quy định.

- Niêm yết nội quy, quy trình tiếp công dân, quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo chưa đúng nơi quy định; trong giải quyết tố cáo vẫn còn chậm ban hành Thông báo kết luận nội dung tố cáo gửi người tố cáo; Báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo chưa đúng biểu Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

*b) Tại Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông*

- Chưa công khai dự toán, thu chi NSNN trên Cổng thông tin điện tử cơ quan; việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ áp dụng văn bản pháp luật hết hiệu lực.

 - Chậm lập hồ sơ đề nghị nâng lương đối với viên chức thuộc quyền quản lý.

- Việc kê khai TSTN không phê duyệt kế hoạch công khai bản kê khai; không thực hiện mở sổ theo dõi giao nhận bản kê khai đúng quy định.

**II. KẾT LUẬN THANH TRA CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGUỒN KINH PHÍ**

1. **Ưu điểm**

**-** Sở đã chấp hành tương đối tốt công tác quản lý tài chính - ngân sách; đã tiến hành lập dự toán thu - chi tại Văn phòng sở và đơn vị trực thuộc; thực hiện theo dự toán và được bổ sung dự toán cho một số nhiệm vụ sự nghiệp, chương trình mục tiêu theo quy định; đã phối hợp với Sở Tài chính xét duyệt quyết toán kinh phí tại Văn phòng sở và đơn vị trực thuộc; Văn phòng sở và đơn vị trực thuộc đã ban hành và thực hiện đúng các nội dung thu, chi theo quy chế chi tiêu nội bộ.

- Công tác kế toán, sổ sách, chứng từ ở Sở và đơn vị trực thuộc được thực hiện, lưu trữ tương đối đầy đủ.

**2. Tồn tại, hạn chế**

- Việc nắm bắt, tham mưu xử lý các chế độ chính sách của nhà nước chưa kịp thời, chưa thường xuyên; công tác kiểm tra, xét duyệt quyết toán hằng năm của Sở đối với Trung tâm vẫn còn thiếu hướng dẫn cụ thể.

- Việc xây dựng và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ có nội dung chưa đảm bảo quy định; chưa thực hiện dự toán thu; thực hiện thu phí, lệ phí chưa đúng theo quy định; chưa trích nguồn cải cách tiền lương về số phí, lệ phí được trích lại mặc dù đã được cơ quan chức năng kiểm tra, xử lý.

 **III. KẾT LUẬN VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN**

**1. Ưu điểm**

Chủ đầu tư đã thực hiện cơ bản đảm bảo trình tự các bước về đầu tư xây dựng và mua sắm lắp đặt các thiết bị thuộc các dự án về công nghệ thông tin và truyền thông; tổ chức đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh; chỉ định thầu đối với các gói thầu có giá trị trong hạn mức quy định, các gói thầu chỉ định thầu đã được trừ tiết kiệm theo quy định của UBND tỉnh, tiến độ thi công đúng theo hợp đồng đã ký; công tác nghiệm thu, thanh toán vốn đầu tư thực hiện kịp thời theo quy định.

**2. Tồn tại**

Gói thầu xây lắp sửa chữa nhà làm việc 03 tầng của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông xác định một số khối lượng nghiệm thu thanh toán, quyết toán chưa chính xác.

Một số dự án thông tin và truyền thông được triển khai nhưng việc theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả của dự án chưa thường xuyên sau khi đưa vào sử dụng; một số gói thầu mua sắm, lắp đặt thiết bị Chủ đầu tư chưa phối hợp tốt với cơ quan thuế để yêu cầu đơn vị mua sắm, lắp đặt thiết bị kê khai, nộp thuế vãng lai ngoại tỉnh theo quy định.

**IV. NGUYÊN NHÂN, TRÁCH NHIỆM**

1. **Nguyên nhân**

- Nguyên nhân khách quan:

+ Chủ trương, chính sách, pháp luật và văn bản quy định hoạt động ngành thông tin và truyền thông luôn có sự thay đổi, bổ sung, một số quy định chưa rõ ràng, khó áp dụng; công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ kế toán của cấp trên chưa được thường xuyên.

+ Ban Giám đốc sở có sự biến động về nhân sự (bổ nhiệm mới Giám đốc, 01 Phó Giám đốc nghỉ chế độ BHXH nhưng chưa được kiện toàn); số lượng CBCC của Sở còn hạn chế trong khi phải thực hiện cùng lúc nhiều công việc đột xuất của Bộ Thông tin và Truyền thông và UBND tỉnh giao nên phần nào ảnh hưởng đến chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

+ Trong kỳ, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nên ảnh hưởng đến tiến độ, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ nói chung, Kế hoạch thanh tra nói riêng.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Các bộ phận chuyên môn chưa phát huy hết vai trò tham mưu trong các lĩnh vực quản lý nhà nước được giao, chưa triển khai xem xét, rà soát các văn bản đã hết hiệu lực; trong một số nhiệm vụ cụ thể được giao chưa thực hiện hết chức trách nhiệm vụ dẫn đến có sai sót.

+ Ban Giám đốc sở và lãnh đạo các đơn vị trực thuộc chưa chỉ đạo sát các nhiệm vụ, thiếu kiểm tra đôn đốc trong thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng nhiệm vụ được giao.

**2. Trách nhiệm**

- Các tồn tại, hạn chế tại Văn phòng sở trách nhiệm trước hết thuộc về Giám đốc sở với vai trò của người đứng đầu; trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp thuộc về các Phó Giám đốc sở được phân công phụ trách lĩnh vực; trách nhiệm chính trong tham mưu thuộc về Trưởng các phòng chuyên môn và CBCC,VC theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Các tồn tại, hạn chế tại đơn vị sự nghiệp trách nhiệm trước hết thuộc về Giám đốc đơn vị với vai trò người đứng đầu. Trách nhiệm chính trong tham mưu thuộc về bộ phận Hành chính - Tổng hợp và các cán bộ/viên chức được phân công theo dõi và thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được giao.

**D. KIẾN NGHỊ VÀ XỬ LÝ**

 **1. Kiến nghị**

 **a) Đối với Sở Thông tin và Truyền thông**

 Tăng cường công tác quản lý trên các lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng; công tác quản lý kinh phí và quản lý đầu tư xây dựng. Tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm, chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, khuyết điểm Đoàn thanh tra đã nêu, cụ thể:

- Tiếp tục tăng cường công tác rà soát văn bản pháp luật, tuyên truyền phổ biến pháp luật nói chung; pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng nói riêng nhằm nâng cao trách nhiệm thực hiện của CBCC, VC, người lao động;

- Chú trọng công tác xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình kế hoạch thanh tra hằng năm; thực hiện nghiêm túc việc điều chỉnh kế hoạch thanh tra khi không hoàn thành các cuộc thanh tra theo kế hoạch đã duyệt; quan tâm hơn nữa việc lãnh đạo chỉ đạo hoạt động và tổ chức lực lượng Thanh tra sở cả về số lượng, chất lượng cũng như cơ sở vật chất, để nâng cao hiệu quả công tác thanh tra trên tất cả các lĩnh vực của ngành; chấn chỉnh, thực hiện nghiêm túc về quy trình, thủ tục và thời hạn giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo;

- Công khai minh bạch trong các hoạt động của đơn vị, đặc biệt là công khai dự toán, quyết toán ngân sách hằng năm trên cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị; thực hiện nghiêm túc kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, cơ quan xét duyệt quyết toán tài chính; thực hiện nghiêm túc quy chế văn hóa công vụ, kê khai, công khai TSTN; chấn chỉnh việc bố trí công việc cho hợp đồng lao động 68, chấm dứt việc bố trí lao động hợp đồng làm nhiệm vụ chuyên môn tại Văn phòng sở;

- Chỉ đạo Văn phòng sở rà soát, bổ sung, sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp quy định của Nhà nước, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Chú trọng công tác lập dự toán, phân bổ dự toán bám sát Luật Ngân sách, các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông; phối hợp với sở Tài chính thực hiện tốt công tác xét duyệt quyết toán và tổng hợp trình Sở Tài chính thẩm định quyết toán;

- Thực hiện việc tạo nguồn kinh phí cải cách tiền lương đối với các khoản thu phí, lệ phí và thu khác theo quy định; hằng năm trích tối thiểu 40% vào quỹ cải cách tiền lương từ chênh lệch thu - chi nguồn thu phí và lệ phí phát sinh được để lại tại đơn vị sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với nhà nước; định khoản một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh, công tác in sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán và lưu trữ tài liệu kế toán đảm bảo theo quy định (nhất là hạch toán TSCĐ đối với mua sắm tài sản thực hiện dự án theo Chương trình mục tiêu, mục tiêu Quốc gia), sử dụng hình thức kế toán thống nhất (sổ sách, chứng từ và in đầy đủ sổ kế toán); chấm dứt việc sử dụng nguồn không thường xuyên để chi cho thường xuyên, mẫu phiếu thu không đúng quy định…;

- Thực hiện tốt công tác quản lý các nguồn kinh phí, quản lý đầu tư xây dựng, đảm bảo các quy định của Nhà nước; thường xuyên kiểm tra, đánh giá hiệu quả các Dự án công nghệ Thông tin và Truyền thông nhằm đáp ứng nhiệm vụ chính trị của ngành, phục vụ tốt nhiệm vụ thông tin và truyền thông;

- Chỉ đạo các bộ phận kế toán, lập dự toán các nhiệm vụ của ngành theo các văn bản quy định, đúng định mức, chế độ và nội dung; thực hiện, công tác quyết toán và lập các báo cáo theo hướng dẫn tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp;

- Tổ chức làm việc với Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh về cơ chế tài chính của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông theo quyết định thành lập và phê duyệt đề án chuyển đổi tổ chức hoạt động thành tổ chức khoa học và công nghệ tự trang trải kinh phí hoạt động thường xuyên, được hưởng ưu đãi về hoạt động khoa học công nghệ, cơ chế tài chính thực hiện theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP (hiện nay là Nghị định số 54/2016/NĐ-CP) nhưng cơ chế tài chính chưa rõ ràng, không được hưởng ưu đãi như đơn vị công lập hoạt động khoa học công nghệ để thống nhất mô hình hoạt động của Trung tâm;

- Chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông thực hiện đúng trình tự kê khai, công khai, niêm yết bản kê khai TSTN; rà soát, sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp quy định của Nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và thực hiện đầy đủ quy định về công khai dự toán, thu chi NSNN, lập hồ sơ đề nghị nâng lương đối với viên chức thuộc quyền quản lý theo đúng quy định.

**b) Kiến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Chỉ đạo Giám đốc sở Thông tin và Truyền thông nghiêm túc tiếp thu, tăng cường công tác lãnh đạo, chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế đã được Đoàn thanh tra nêu ra;

- Giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Cục Thuế tỉnh và các cơ quan liên quan xác định cơ chế tài chính đối với hoạt động của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông, kịp thời tham mưu xử lý các khó khăn, vướng mắc trong cơ chế, chính sách để Trung tâm hoạt động có hiệu quả.

 **2. Xử lý kết quả thanh tra**

Thu hồi về ngân sách nhà nước tổng số tiền **221.319.851 đồng**, cụ thể:

***a) Đối với công tác quản lý kinh phí***

(1) Văn phòng sở: Thu hồi tiền cấp thừa nguồn cải cách tiền lương năm 2019 số tiền 24.872.658 đồng

(2) Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông: Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng thêm là 26.017.901 đồng, cụ thể như sau:

+ Năm 2019 là 9.636.363 đồng (4.180.000 đồng+5.456.363 đồng)

+ Năm 2020 là 16.381.538 đồng (12.166.000 đồng+4.215.538 đồng)

***b) Về quản lý đầu tư xây dựng và Dự án Thông tin - Truyền thông***

(1) Thu thuế GTGT vãng lai ngoại tỉnh của Công ty Cổ phần Công nghệ viễn thông truyền hình, số tiền 162.429.490 đồng

(2) Yêu cầu Trung tâm CNTT Truyền thông Hà Tĩnh thu hồi số tiền 7.999.802 đồng từ Công ty Cổ phần 666.

Các khoản thu hồi nộp vào NSNN, thực hiện qua Tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh, số Tài khoản **3949.0.1049434** tại KBNN tỉnh Hà Tĩnh.

 Trên đây là Kết luận thanh traviệc chấp hành pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng; công tác quản lý kinh phí và đầu tư xây dựng tại Sở Thông tin và truyền thông Hà Tĩnh; yêu cầu Giám đốc sở, đơn vị trực thuộc và các tổ chức, cá nhân liên quan nghiêm túc thực hiện và báo cáo kết quả về Thanh tra tỉnh trước ngày 30/11/2021.

Giao Trưởng Đoàn thanh tra, Trưởng Phòng Nghiệp vụ 4 - Thanh tra tỉnh theo dõi, đôn đốc việc thực hiện./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - UBND tỉnh (Để b/c); - Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh ủy;- Ban Nội chính Tỉnh ủy;- Sở TT&TT và đơn vị trực thuộc Sở;- Lưu: VT, NV4, ĐTT. | **KT.CHÁNH THANH TRA****PHÓ CHÁNH THANH TRA****Kiều Ngọc Tuấn** |

1. Kế hoạch số 138/KH-STTTT ngày 27/02/2019 tuyên truyền phòng chống tội phạm, sản xuất kinh doanh kém chất lượng; Kế hoạch số 255/KH-STTTT ngày 28/3/2019 về PCTN năm 2019; Kế hoạch số 864/KH-STTTT ngày 27/9/2019 về tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN giai đoạn 2019-2020; Kế hoạch số 925/KH-STTTT ngày 16/10/2019 về triển khai Chỉ thị số 10/TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Chương trình số 425/CTr-STTTT ngày 17/5/2019 về thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2019. [↑](#footnote-ref-1)
2. Kế hoạch số 271/KH-STTTT ngày 12/3/2020 về công tác PCTN năm 2020; Kế hoạch số 270/KH-STTTT ngày 12/3/2020 thực hiện Chương trình 2043 ngày 18/2/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác trọng tâm nội chính, cải cách tư pháp và PCTN năm 2020; Chương trình số 201/CTr-STTTT ngày 30/01/2020 về thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2020; [↑](#footnote-ref-2)
3. Năm 2019: Kế hoạch thanh tra ban hành kèm theo Quyết định số 144/QĐ-STTTT ngày 14/12/2018; Năm 2020: Kế hoạch thanh tra ban hành kèm theo Quyết định số 140/QĐ-STTTT ngày 18/12/2019. [↑](#footnote-ref-3)
4. (1) Thanh tra việc chấp hành pháp luật về Tần số và thiết bị vô tuyến điện trên địa bàn (Quyết định số 01/QĐ-STTTT ngày 04/1/2019). Đã xử lý vi phạm hành chính 12 tổ chức, cá nhân; (2) Kiểm tra hoạt động phát hành xuất bản phẩm, photocopy và Lịch block năm 2020 trên địa bàn (Quyết định số 2283/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của UBND tỉnh về thành lập Đội liên ngành phòng, chống in lậu tỉnh Hà Tĩnh). Đã xử lý vi phạm hành chính 30 tổ chức, lập biên bản và tịch thu 188 xuất bản phẩm nhân bản lậu trái phép, không rõ nguồn gốc, và xử phạt số tiền 6 triệu đồng; (3) Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý thuê bao di động trả trước đối với các Doanh nghiệp viễn thông di động trên địa bản tỉnh (Quyết định số 110/QĐ-STTTT ngày 04/10/2019). Đã xử lý vi phạm hành chính 3 tổ chức, và xử phạt số tiền 10 triệu đồng; (4) Kiểm tra hoạt động Văn phòng đại diện và Phóng viên thường trú trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 32/QĐ-STTTT ngày 07/3/2019). Đã xử lý vi phạm hành chính 8 Văn phòng, 30 phóng viên; (5) Kiểm tra việc đầu tư, mua sắm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin có sử dụng ngân sách nhà nước đối với các cơ quan nhà nước trên địa bàn (Quyết định số 109/QĐ-STTTT ngày 04/10/2019). Đã xử lý vi phạm hành chính 3 tổ chức; (6) Thanh tra đột xuất theo chỉ đạo của Bộ TTTT: Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về chuyển mạng viễn thông di động mặt đất giữ nguyên số (Quyết định số 52/QĐ-STTTT ngày 07/5/2019). [↑](#footnote-ref-4)
5. (1) Kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về Tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện (Quyết định số 19/QĐ-STTTT ngày 19/25/2019). Đã xử lý vi phạm hành chính 10 tổ chức, cá nhân; (2) Kiểm tra hoạt động phát hành xuất bản phẩm, photocopy và lịch Block năm 2020 trên địa bàn (Quyết định số 2283/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của UBND tỉnh về thành lập Đội liên ngành phòng, chống in lậu tỉnh Hà Tĩnh). Đã xử lý vi phạm hành chính 15 tổ chức, cá nhân; (3) Thanh tra đột xuất theo chỉ đạo UBND tỉnh: Thanh tra đột xuất thực hiện tháng hành động vì trẻ em đối với các hoạt động Đại lý Internet, điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử, các cơ sở phát hành xuất bản phẩm phục vụ thiếu nhi (Quyết định số 02/QĐ-TTra ngày 16/6/2020). Đã xử lý vi phạm hành chính 14 tổ chức, cá nhân; (4) Kiểm tra đột xuất theo chỉ đạo UBND tỉnh: Kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật đối với hoạt động truyền hình, dịch vụ quảng cáo trên môi trường mạng việc sử dụng máy photocopy màu (Quyết định số 112/QĐ-STTTT ngày 07/10/2020). Đã xử lý vi phạm hành chính 5 tổ chức, cá nhân. [↑](#footnote-ref-5)
6. (1) Thanh tra đột xuất theo chỉ đạo UBND tỉnh: Thanh tra đột xuất thực hiện tháng hành động vì trẻ em đối với các hoạt động Đại lý Internet, điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử, các cơ sở phát hành xuất bản phẩm phục vụ thiếu nhi (Quyết định số 02/QĐ-TTra ngày 16/6/2020); (2) Kiểm tra đột xuất theo chỉ đạo UBND tỉnh: Kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật đối với hoạt động truyền hình, dịch vụ quảng cáo trên môi trường mạng việc sử dụng máy photocopy màu (Quyết định số 112/QĐ-STTTT ngày 07/10/2020). [↑](#footnote-ref-6)
7. (1) Căn cứ theo quy định tại khoản 3, Điều 35 Luật Tố cáo năm 2018 (quy định chậm nhất là 5 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo gửi thông báo về kết luận nội dung tố cáo đến người tố cáo. Nhưng đến ngày 20/4 mới gửi (chậm 10 ngày)); (2) Báo cáo kết quả xác minh nội dung Tố cáo chưa đúng biểu Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2019/NĐ-CP); (3) Căn cứ khoản 2, Điều 9 Nghị định số 31/2019/NĐ-CP (quy định chậm nhất là 5 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thụ lý tố cáo, người giải quyết tố cáo có trách nhiệm thông báo cho người tố cáo và thông báo về nội dung tố cáo cho người bị tố cáo biết. Nhưng đến 10 ngày sau ra quyết định mới thực hiện). [↑](#footnote-ref-7)
8. Năm 2019 tại Quyết định số 11/QĐ-STTTT ngày 28/01/2019; năm 2020 tại Quyết định số 08/QĐ-STTTT ngày 22/01/2020. [↑](#footnote-ref-8)
9. Quyết định số 30/QĐ-STTTT ngày 10/03/2014 của Sở TTTT về việc ban hành Quy chế văn hóa công sở tại cơ quan; Quyết định số 51/QĐ-STTTT ngày 08/5/2020 của Sở TTTT về việc ban hành Quy chế Văn hóa công vụ tại cơ quan Sở TTTT. [↑](#footnote-ref-9)
10. Chỉ thị 35-CT/TU ngày 4/11/2008 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về siết chặt kỷ luật, kỷ cương, lề lối làm việc trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước; Kết luận số 05-KL/TU ngày 25/5/2011 về tiếp tục chỉ đạo xiết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, trong thực hiện chức trách nhiệm vụ của đội ngũ CBCC,VC và cán bộ chiến sỹ lực lượng vũ trang; Quyết định số 52/2018/QĐ-UBND ngày 03/11/2018 của UBND tỉnh về siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; trong kỳ thanh tra không có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm đạo đức nghề nghiệp, kỷ cương hành chính. [↑](#footnote-ref-10)
11. Kế hoạch số 47/KH-STTTT ngày 18/01/2019 và Kế hoạch số 580/KH-STTTT ngày 21/5/2020 [↑](#footnote-ref-11)
12. (1) Bổ nhiệm lại ông Đặng Văn Đức, trưởng phòng Bưu chính – Viễn thông tại Quyết định 119/QĐ-STTTT ngày 27/10/2020; (2) Bổ nhiệm lại ông Lê Văn Dũng, trưởng phòng Công nghệ thông tin tại Quyết định 120/QĐ-STTTT ngày 27/10/2020; (3) Bổ nhiệm lại ông Nguyễn Thanh Lâm, Phó Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tại Quyết định 121/QĐ-STTTT ngày 27/10/2020; (4) Bổ nhiệm lại bà Nguyễn Thu Trang, phụ trách kế toán sở tại Quyết định 102/QĐ-STTTT ngày 14/9/2020. [↑](#footnote-ref-12)
13. (1) Về hợp đồng với ông Nguyễn Viết Đức: Cơ sở ký hợp đồng căn cứ Thông tư số 21/2003/TT-BLĐTBXH ngày 22/9/2003 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đã hết hiệu lực ngày 10/12/2013 và được thay thế tại Thông tư 30/2013/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2013 về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 44/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính phủ, nhưng đơn vị vẫn áp dụng để thực hiện là không đúng quy định; Việc ký hợp đồng ngoài biên chế được giao, nhưng lại làm công việc thường xuyên theo vị trí hợp đồng Nghị định số 68/2000/NĐ-CP là không đúng quy định. [↑](#footnote-ref-13)
14. Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 21/3/2017 về chấn chỉnh hợp đồng lao động trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; Văn bản số 6401/UBND-NC1 ngày 26/9/2019 của UBND tỉnh. [↑](#footnote-ref-14)
15. (2) Nâng lương cho ông Đặng Quốc Dũng, Phó Giám đốc Trung tâm CNTT chậm thời gian hơn 01 tháng (ngày 8/5/2020 Giám đốc sở đã ban hành Quyết định số 46/QĐ-STTTT ngày 8/5/2020 về nâng lương cho ông Dũng, nhưng thời gian nâng lương lần sau kể từ ngày 01/4/2020 (chậm 38 ngày). [↑](#footnote-ref-15)
16. Năm 2020 tại Quyết định số 26/KH-STTTT ngày 10/01/2020; năm 2019 tại Quyết định số 36/KH-STTT ngày 15/01/2019 [↑](#footnote-ref-16)
17. Quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 về việc công bố Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông; Quyết định số 1554/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 về việc công bố Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Thông tin và Truyền thông áp dụng tại UBND cấp huyện; Quyết định số 2733/QĐ-UBND ngày 14/9/2018 công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở TTTT, UBND cấp huyện; Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 về công bố Danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở TTTT; Quyết định số 1924/QĐ-UBND ngày 24/6/2019 về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 24/6/2019 về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Thông tin và Truyền thông áp dụng tại UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1466/QĐ-UBND ngày 12/5/2020 về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở TTTT; Quyết định số 2379/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở TTTT**.** [↑](#footnote-ref-17)
18. Giấy phép số 102/GP-STTTT ngày 11/12/2020; Giấy phép số 68/GP-STTTT ngày 01/10/2020; Giấy phép số 80/GP-STTTT ngày 6/11/2020. [↑](#footnote-ref-18)
19. Đối với cơ quan hành chính: sử dụng tối thiểu 40% số thu phí (thuộc danh mục phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí) được để lại theo chế độ. [↑](#footnote-ref-19)
20. Đơn vị được quyết định tỷ lệ nguồn thu phải trích lập để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương và tự bảo đảm nguồn kinh phí điều chỉnh mức tiền lương cơ sở từ nguồn thu của đơn vị, bao gồm cả nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2018 chưa sử dụng (nếu có). [↑](#footnote-ref-20)
21. Trung tâm được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp năm 2020 theo Điều 2, Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc Hội. [↑](#footnote-ref-21)
22. Điểm b, Khoản 2, Điều 8 Nghị định số 54/2016/NĐ-CP: *“Trích khấu hao tài sản cố định: Tiền trích khấu hao tài sản hình thành từ nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách được hạch toán vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.”* [↑](#footnote-ref-22)
23. (1)Xây dựng hệ thống CSDL thông tin kinh tế xã hội tỉnh Hà Tĩnh năm 2019, (2)Mua sắm thiết bị, phương tiện phục vụ thông tin cổ động tại 03 huyện: Thạch Hà, Hương Khê, Lộc Hà, (3)Hỗ trợ phương tiện nghe-xem trên địa bàn tỉnh năm 2019 thuộc CT MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, (4)Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh, (5)Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống truyền thanh cơ sở , (6) Trang bị phương tiện tác nghiệp phục vụ thông tin cơ sở cho các xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh năm 2020, (7)Đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo. [↑](#footnote-ref-23)
24. (1) Kiểm tra thực tế tại 02 đơn vị thụ hưởng (UBND xã Hương Long, UBND xã Hương Trạch) của Dự án đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo(2) Kiểm tra thực tế 02 hộ được thụ hưởng Ti vi tại xã Phú Gia và 02 hộ tại xã Hà Linh, huyện Hương Khê thuộc Dự án Hỗ trợ phương tiện nghe-xem trên địa bàn tỉnh năm 2019 thuộc CT MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; (3) Kiểm tra thực tế tại đơn vị thụ hưởng (UBND xã Xuân Thành) của dự án Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống truyền thanh cơ sở. [↑](#footnote-ref-24)